

DƯƠNG VĂN BIÊN\*

## TÔN GIÁO HỌC ĐƯƠNG ĐẠI TRÊN THẾ GIỚI: KHÁI NIỆM, THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

**Tóm tắt:** Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu nhằm làm rõ một số cách hiểu về Tôn giáo học của các học giả đương đại trên thế giới, từ đó, phân tích một số thách thức đáng kể mà Tôn giáo học đang phải đối diện. Các thách thức đến từ bên ngoài do bối cảnh khủng hoảng của khoa học xã hội và nhân văn dẫn tới, cũng như các thách thức bên trong do các vấn đề về đối tượng và bản sắc nghiên cứu của Tôn giáo học tạo ra. Cuối cùng, bài viết tập trung chỉ ra những triển vọng của Tôn giáo học.

**Từ khóa:** Tôn giáo học; khái niệm; thách thức; triển vọng; chuyên ngành.

### Dẫn nhập

Không chỉ ở Việt Nam mà trên thế giới, Tôn giáo học đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm từ công chúng và giới học thuật. So với nhiều ngành và lĩnh vực khoa học khác, Tôn giáo học ra đời muộn hơn, bắt đầu được đặt nền móng từ cuối thế kỷ XIX và phải đến những năm 1960 các khoa giảng dạy về Tôn giáo học mới được hình thành ở một số trường đại học trên thế giới. Đến nay, Tôn giáo học đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, nhưng cũng đang phải đối diện với những thách thức không nhỏ trong thế giới đương đại. Ngay cả việc hiểu thế nào là Tôn giáo học cũng vẫn đang có những tranh luận chưa có hồi kết trong giới học thuật đương đại. Các thách thức đối với Tôn giáo học đến từ cả bối cảnh bên ngoài và cả ngay trong chính Tôn giáo học. Những khó khăn này tác động mạnh đến tình hình của Tôn giáo học, và thúc đẩy giới học thuật đương đại tìm tòi các lợi thế, để thấy được các triển vọng phát triển của Tôn giáo học trong tương lai.

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.  
Ngày nhận bài: 9/9/2023; Ngày biên tập: 04/11/2023; Duyệt đăng: 18/12/2023.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về chủ đề Tôn giáo học đương đại trên thế giới vẫn còn rất ít. Các bài viết vẫn chủ yếu tập trung vào các học giả kinh điển về tôn giáo như Max Müller, Emile Durkheim, Max Weber, hay các quan điểm của C. Mác và V.I.Lenin. Một số giáo trình Tôn giáo học tập trung vào cách thức trình bày lý luận về tôn giáo dựa theo khung lý luận Mác-xít, ví dụ sách *Tập bài giảng Tôn giáo học Chương trình đại cương (Dành cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)* của các tác giả Nguyễn Hữu Vui và Trương Hải Cường do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2003. Một số bài viết khác, mới bắt đầu đề cập tới tình hình Tôn giáo học ở Việt Nam, ví dụ như bài viết *Tôn giáo học phải chăng là một chuyên ngành của Triết học? (qua thực tế đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay)* của Lê Tâm Đắc xuất bản trên tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2/2009, mà chưa có sự liên hệ nhiều tới tình hình Tôn giáo học đương đại trên thế giới. Gần đây nhất, vào năm 2021, công trình chuyên khảo *Một số vấn đề về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* do Chu Văn Tuấn và Hoàng Văn Chung làm chủ biên cùng tập thể các tác giả tham gia nghiên cứu đã được Nhà xuất bản Khoa học Xã hội phát hành. Tuy đặt ở bối cảnh Việt Nam nhưng thực tế nội dung của sách đã đề cập tới những cách tiếp cận của Tôn giáo học được cập nhật tới thời điểm hiện nay. Trong phần viết “*Một số vấn đề về cách tiếp cận trong nghiên cứu tôn giáo*” có những thảo luận về cách hiểu về Tôn giáo học như một ngành độc lập. Trong khi, các phần khác của sách đã cung cấp nhiều cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu tôn giáo. Tất nhiên, các thách thức và triển vọng của Tôn giáo học đương đại trên thế giới thì không phải là chủ đề chính của công trình này.

Nhìn chung, các nghiên cứu về những thách thức và triển vọng của Tôn giáo học đương đại trên thế giới vẫn còn rất khiêm tốn trong giới học thuật ở Việt Nam. Trong khi đó, trên thế giới có tương đối nhiều các nghiên cứu về thực trạng của Tôn giáo học đương đại và đưa ra những đề xuất phát triển Tôn giáo học trong thời gian tới. Nghiên cứu này của tôi vừa kế thừa, vừa tổng hợp các nghiên cứu của các học giả đi trước, đồng thời sử dụng phương pháp phân tích tài liệu ở dạng bài báo, tạp chí và sách xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, nhằm đưa lại một

số cách hiểu của các học giả đương đại trên thế giới về Tôn giáo học, cũng như các thách thức và triển vọng của Tôn giáo học. Từ đó, bài viết mong muốn có thể góp thêm một số gợi ý đối chiếu cho việc nhìn nhận về thực tại và tương lai phát triển Tôn giáo học ở Việt Nam.

### **1. Khái niệm Tôn giáo học**

Trước khi đi vào phân tích những thách thức và triển vọng của Tôn giáo học thì một câu hỏi cần làm rõ ở đây là Tôn giáo học được hiểu như thế nào. Câu hỏi này nghe rất quen thuộc và tưởng chừng như đã có câu trả lời rồi, nhưng thực tế lại không phải như vậy. Ở Việt Nam hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu đã và đang cố gắng tìm ra các đặc trưng của Tôn giáo học. Nói cách khác, đó là các nỗ lực làm sao để tìm ra điểm khác biệt của Tôn giáo học với các chuyên ngành và lĩnh vực học thuật khác cũng quan tâm nghiên cứu và giảng dạy về tôn giáo. Việc làm này cũng chính là cách trả lời cho câu hỏi Tôn giáo học là gì. Trong khi đó, giới học thuật trên thế giới cũng có những quan niệm khác nhau về việc định nghĩa khái niệm Tôn giáo học. Trong học thuật bằng tiếng Anh, hiện nay, để chỉ Tôn giáo học có ít nhất hai thuật ngữ: *The Science of Religion* (Khoa học về Tôn giáo) và *Religious Studies* (Tôn giáo học). Các thuật ngữ này có những sắc thái riêng về mặt ngôn ngữ và có những hàm ý khác nhau trong cách hiểu về Tôn giáo học.

#### **1.1. Tôn giáo học như là một khoa học về tôn giáo**

Người đi tiên phong trong việc đề xuất thuật ngữ Khoa học về Tôn giáo chính là Friedrich Max Müller. Ông cũng được xem là “ông tổ” của Tôn giáo học. Max Müller là người gốc Đức, nhưng sinh sống và phát triển sự nghiệp tại Anh. Năm 1873, tác phẩm *Dẫn luận Khoa học về Tôn giáo* (Introduction to the Science of Religion) của Max Müller xuất bản lần đầu. Tác phẩm này vốn là tập hợp các bài giảng mà Müller giới thiệu về nghiên cứu so sánh các tôn giáo lớn trên thế giới, đã được ông trình bày tại Viện Hoàng gia Luân Đôn (The Royal Institution in London) vào tháng 2 và tháng 5/1870. Hàm nghĩa của khái niệm Khoa học về Tôn giáo (tiếng Đức: Religionswissenschaft) cũng được Müller nói rõ trong tác phẩm *Dẫn luận Khoa học về Tôn giáo*, đó là “*nghiên cứu khoa học thực sự về các tôn giáo trên thế giới*” (a truly scientific study of the religions of the

world) [F. Max Müller, K.M, 1899: 4]. Theo Müller, trong bối cảnh học thuật của thời đại ông, có quan điểm cho rằng rất khó có thể nghiên cứu khoa học về tôn giáo được. Lập luận của quan điểm này là do nhiều người hầu như không thể nói về tôn giáo mà không có những biện luận về những cái đúng và cái sai của tôn giáo. Hơn nữa, một số người còn xem tôn giáo dường như là cái gì đó “*quá thiêng để trở thành đối tượng của nghiên cứu khoa học*” (religion seems too sacred a subject for scientific treatment) [F. Max Müller, K.M, 1899: 4]. Müller giải thích thêm rằng, nghiên cứu khoa học thực sự ở đây không đánh mất sự tôn trọng hay thành kính với các tôn giáo. Nhưng chỉ thành kính thì chưa đủ mà khoa học về tôn giáo đòi hỏi phải giải phóng sự tự do cho đối tượng nghiên cứu để tìm hiểu một cách chân thực theo cách “*đứng xa để nhìn về đối tượng*” (far from it) [F. Max Müller, K.M, 1899: 6]. Đối với người làm khoa học về tôn giáo, để làm sao đạt được “*sự trung thành với chân lý*” (loyalty to the truth) thì cần thành kính cái thiêng nhưng không nên sợ hãi, không nên thiên vị, không nên võ vè và yêu mến [F. Max Müller, K.M, 1899: 6]. Ông chủ trương tiến hành nghiên cứu so sánh tôn giáo để không có một tôn giáo nào chiếm vị trí đặc quyền trong Khoa học về Tôn giáo. Châm ngôn nổi tiếng trong nghiên cứu so sánh tôn giáo mà Müller sử dụng là: “*Ai biết một người đó không biết gì*” (He who knows one, knows none) [F. Max Müller, K.M, 1899: 13].

Tuy nhiên, trong thực tế Max Müller mới dừng lại chủ yếu ở nghiên cứu ngôn ngữ tôn giáo. Chính vì tập trung vào cách tiếp cận Ngôn ngữ học, đã khiến ông không giải quyết các ảnh hưởng của những yếu tố văn hóa, xã hội và tâm lý đối với nguồn gốc của các thần thoại trong các tôn giáo [Lourens van Den Bosch, 2017: 74]. Mặc dù, có những điểm mà Max Müller không nhận được đồng tình của một số học giả đương thời, nhưng đề xuất xây dựng và phát triển một bộ môn khoa học về tôn giáo của ông đã có ảnh hưởng nhất định. Đáng chú ý là từ đề xuất của Max Müller, Cornelis Petrus Tiele (1830-1902) đã khởi xướng ra trường phái “Khoa học về tôn giáo” tại Hà Lan. Sau đó, cách dùng khái niệm khoa học về tôn giáo được lan ra các nước Đức, Pháp, Anh, và Hà Lan. Cho tới nửa cuối thế kỷ XIX, khoa học về tôn giáo đã trở thành “*một chuyên ngành*”

(discipline) và tạo ra những bản sắc học thuật của mình [Jan G. Platvoet, 1998: 116]. Trong học thuật nghiên cứu về tôn giáo đương đại trên thế giới, thuật ngữ *khoa học về tôn giáo* được gọi một cách cụ thể là “nghiên cứu khoa học về tôn giáo” (the scientific study of religion) [Benson Saler, 2004; Kenneth E. Vail III, Clay Routledge, 2020]. Theo Donal Wiebe, khoa học về tôn giáo được hiểu qua bốn nội dung sau: (1) Khoa học về tôn giáo đòi hỏi nghiên cứu tôn giáo tại các trường đại học thế tục được giải phóng khỏi các tuyên bố thần học và các ẩn ý mang thiên kiến tôn giáo; (2) Những người ủng hộ nghiên cứu khoa học về tôn giáo đề xuất sử dụng một số cách tiếp cận của các nhà khoa học và các nhà triết học về khoa học, và xem đó như là các tiêu chuẩn hoặc gợi ý về nghiên cứu khoa học để hướng dẫn cho các học giả nghiên cứu về tôn giáo; (3) Khoa học về tôn giáo có thể tìm cách giải thích về các hiện tượng tôn giáo theo nghĩa nào đó chứ không chỉ dừng lại ở diễn giải các hiện tượng đó; (4) Khoa học về tôn giáo là một khoa học xã hội có chủ đề của riêng nó và có liên quan tới các lý thuyết về xã hội học và tâm lý học để tiến hành nghiên cứu [Benson Saler, 2004: 207-208].

### ***1.2. Tôn giáo học là một chuyên ngành hoặc/ và một lĩnh vực học thuật***

Trong khi đó, thuật ngữ “Religious Studies” được phổ biến muộn vào sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, do những biến đổi trong lĩnh vực giáo dục bậc cao ở Mỹ, với yêu cầu mở rộng các chương trình nghiên cứu về phương Đông. Sự thay đổi này diễn ra nhanh chóng nhất ở các trường cao đẳng và đại học. Trong những năm 1960 và đầu 1970, tại Mỹ, nhiều đơn vị được sự hỗ trợ của nhà nước đã thiết lập các chương trình tôn giáo học (religious studies programs) ở cấp giáo dục đại học [Thomas L. Benson, 1987: 89]. Chính trong môi trường học thuật là các trường đại học và cao đẳng, thuật ngữ “Religious Studies” được hiểu tương đương với thuật ngữ “the Academic Study of Religion” (nghiên cứu hàn lâm/ học thuật về tôn giáo). Tôn giáo học sử dụng theo thuật ngữ “Religious Studies” có ít nhất hai hàm nghĩa. Thứ nhất, Tôn giáo học có sự khác biệt với thần học (theology). Mục tiêu của Tôn giáo học là tri thức về các tôn giáo, còn mục tiêu của thần học lại là hình thành nên các công thức về chân lý tôn giáo

[Donald Wiebe, 2009: 372]. Với nghĩa này, Tôn giáo học cũng chính là nghiên cứu khoa học về tôn giáo. Nói cách khác, Tôn giáo học không phải là nghiên cứu tôn giáo dựa trên đức tin mà dựa trên các phương pháp khoa học. Thứ hai, Tôn giáo học không chỉ là các hoạt động nghiên cứu tôn giáo ở trong các khoa hay các trung tâm tập trung toàn bộ mối quan tâm của mình vào tôn giáo, mà còn là nghiên cứu khoa học và học thuật về tôn giáo được thực hiện trong các khoa hay các trung tâm về khoa học xã hội và nhân văn [Donald Wiebe, 2009: 372].

Bắt đầu vào những năm 1960, có các cuộc hội thảo khoa học và xuất bản phẩm chủ trương ủng hộ xem Tôn giáo học (Religious Studies) là một chuyên ngành [Thomas L. Benson, 1987: 91]. Lập luận để đưa Tôn giáo học trở thành một chuyên ngành lúc đó dựa trên cơ sở cho rằng, Tôn giáo học được giảng dạy tại các trường học có mối quan tâm về chủ đề chung. Chủ đề đó là: bản chất và những biểu hiện đa dạng về kinh nghiệm tôn giáo. Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa đủ để đảm bảo Tôn giáo học như là một chuyên ngành khi mà chưa đưa ra được phương pháp riêng cho Tôn giáo học [Donald Wiebe, 2005: 101]. Càng về sau này, nhiều học giả ở phương Tây, đặc biệt ở Bắc Mỹ cho rằng, Tôn giáo học là một lĩnh vực nghiên cứu (field). Thomas L. Benson trong *Bách khoa thư về tôn giáo* do nhà Sử học về tôn giáo Mircea Eliade làm chủ biên, xuất bản năm 1987 cho rằng, thuật ngữ “*chuyên ngành*” (discipline) ít có sự chính xác nếu áp dụng cho Tôn giáo học (Religious Studies) [Thomas L. Benson, 1987: 91]. Lí do vì hoạt động của Tôn giáo học đang đón nhận và sử dụng rất nhiều phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu, vì thế mà Tôn giáo học quá rộng để xếp loại như là “*một chuyên ngành*” [Thomas L. Benson, 1987: 92]. Thay vào đó, Benson chủ trương xem Tôn giáo học như là một cộng đồng tập hợp các chuyên ngành nghiên cứu về tôn giáo. Theo Benson, Tôn giáo học được hiểu như sau: “*Tôn giáo học, có lẽ cần được hiểu như là một cộng đồng các chuyên ngành nghiên cứu tập trung quanh các hiện tượng phức tạp về niềm tin và thực hành tôn giáo. Một số hoạt động của cộng đồng này diễn ra chủ yếu trong các chuyên ngành, ví dụ như, trong xã hội học về tôn giáo hoặc triết học về tôn giáo. Các hoạt động khác bao gồm các hoạt động giao thoa*

giữa rất nhiều chuyên ngành liên kết với nhau, ví dụ, hoạt động liên ngành trong so sánh tôn giáo, nghiên cứu lịch sử các tôn giáo, và mối quan hệ giữa tôn giáo và xã hội” [Thomas L. Benson, 1987: 92].

Năm 1988, Harold Remus trong *Bách khoa thư về Kinh nghiệm tôn giáo Mỹ* (the Encyclopedia of the American Religious Experience) cũng cho rằng, sự phát triển ứng dụng các chuyên ngành khoa học như Xã hội học, Nhân học và Tâm Lý học vào nghiên cứu tôn giáo ở cuối thế kỷ XIX cuối cùng đã đưa tới sự phát triển của “*một lĩnh vực học thuật* (an academic field)” mà được gọi là “*Tôn giáo học*” (Religious Studies) [Donald Wiebe, 2005: 99]. Remus cũng nhấn mạnh, Tôn giáo học khác với giáo dục tôn giáo và thần học. Tôn giáo học không nhằm truyền dạy các học thuyết hay các giá trị tôn giáo, không nhằm củng cố việc theo các truyền thống hay thiết chế tôn giáo, và cũng không cung cấp sự chuẩn bị chỉ dạy cho việc đào tạo đội ngũ hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp. Tôn giáo học, theo Remus, “*không thể được tích hợp vào chỉ dạy trong tôn giáo nhưng có thể giảng dạy về tôn giáo* (religious studies cannot involve instruction in religion but can nevertheless teach about religion)” [Donald Wiebe, 2005: 99-100].

Trong giới Tôn giáo học đương đại, nhiều ý kiến đang nhấn mạnh tới việc xem Tôn giáo học là một lĩnh vực học thuật rộng mang tính liên ngành rất cao. Năm 1999, cuốn sách *Các cách tiếp cận Nghiên cứu Tôn giáo* (*Approaches to the Study of Religion*) do Peter Connolly làm chủ biên được xuất bản tiếp tục có hàm ý cho rằng, Tôn giáo học là tập hợp của các cách tiếp cận nghiên cứu từ các chuyên ngành học thuật khác nhau như Nhân học, Triết học, Xã hội học, Tâm lý học, v.v... Trong phần giới thiệu của cuốn sách này, Peter Connolly nói: “*Tôn giáo học được tạo bởi sự tích hợp của Sử học, nghiên cứu so sánh, và các khoa học xã hội, cùng với Triết học về tôn giáo và các chuyên ngành như thế. Tôn giáo học sau đó đã nhanh chóng trở thành một tổ chức lớn trong học thuật*” [Peter Connolly, 1999: IX]. Năm 2020, trong một bài viết về tương lai của Tôn giáo học, Kathryn McClymond tại Khoa Tôn giáo học, Đại học Georgia State ở Atlanta, GA, Mỹ, quan niệm: Tôn giáo học (Religious Studies) là “*một lĩnh vực nghiên cứu, các tổ chức học thuật, một mạng lưới chuyên gia với*

*các học giả và các giáo sư tập trung tìm hiểu về các cộng đồng và các vấn đề tôn giáo, các chương trình và bằng cấp về mặt học thuật, các đơn vị quản lý của các trường đại học, và một loạt các chủ đề mà công chúng vẫn chưa rõ như các vị thần thánh, niềm tin, thực hành truyền thống, các cộng đồng cụ thể, v.v. Với việc xem Tôn giáo học như “một lĩnh vực” (chứ không phải là “một chuyên ngành”), tôi có ý nhấn mạnh rằng công việc của chúng ta ở đây là dựa trên đa phương pháp luận, vì thế không có một bộ kỹ năng đơn lẻ nào trong lĩnh vực học thuật của chúng ta. Chúng ta bao gồm các học giả được đào tạo về các phương pháp luận và/ hoặc các dòng lý thuyết về lịch sử, ngôn ngữ học, nhân học, các nghiên cứu văn bản, nghiên cứu về giới, nghiên cứu khu vực, và các ngành khác”. [Kathryn McClymond, 2020: 3]. Quan niệm Tôn giáo học như là một lĩnh vực liên ngành, cũng được thể hiện trong chương trình đào tạo của nhiều trường đại học. Ví dụ, chương trình Cử nhân Tôn giáo học (The Bachelor of Arts in Religious Studies) tại Đại học Houston, Mỹ, định nghĩa Tôn giáo học chính là nghiên cứu các hệ thống niềm tin tôn giáo từ nhiều cách tiếp cận chuyên ngành khác nhau (Xã hội học, Nhân học, so sánh Văn hóa học, Triết học, Văn học, Nghệ thuật và Kiến trúc, Khoa học chính trị, v.v.) [xem <https://uh.edu/class/ccs/rels/major/> ].*

Mặc dù vậy, những tranh luận về việc Tôn giáo học (Religious Studies) có phải là một chuyên ngành hay là một lĩnh vực học thuật liên ngành vẫn còn tiếp diễn. Năm 2011, trong tác phẩm viết về các khái niệm cơ bản của Tôn giáo học, Carl Olson tại Đại học Cambridge của Anh khẳng định, Tôn giáo học là “*một chuyên ngành mang tính chất liên ngành*” [Carl Olson, 2011: 16]. Năm 2020, trong một nghiên cứu lựa chọn tên gọi nào cho Tôn giáo học, Steven J. Sutcliffe tại Đại học Edinburgh đề xuất thay thế thuật ngữ “Religious Studies” và các thuật ngữ khác bằng thuật ngữ duy nhất là “Study of Religions” để làm rõ đối tượng nghiên cứu của ngành này là các tôn giáo [Steven J. Sutcliffe, 2019: 5]. Cùng với việc làm rõ đối tượng, nhóm quan điểm lập luận Tôn giáo học là một chuyên ngành cũng nhấn mạnh tới vấn đề là cần phải tích cực “*tìm ra được sự tích hợp phương pháp luận riêng cho mình [TG: Tôn giáo học]*” [Michael Pye, 1999: 205]. Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu chủ trương xem Tôn giáo học vừa là một

chuyên ngành và vừa là một lĩnh vực học thuật. Ví dụ, từ quan sát nghiên cứu những chuyên viên trong chương trình Tôn giáo học tại Đại học Universität Bayreuth của Đức, Ulrich Berner cho rằng, Tôn giáo học vừa là một chuyên ngành vừa là một lĩnh vực học thuật. Ulrich Berner nói: “*Có một lĩnh vực Tôn giáo học dành cho việc hợp tác tham gia từ rất nhiều chuyên ngành và cũng cần là một chuyên ngành để xác định ranh giới của lĩnh vực này và hình thành nên khung các vấn đề nghiên cứu tương xứng*” [Ulrich Berner, 2011: 154].

## **2. Một số thách thức đối với Tôn giáo học**

Nghiên cứu tôn giáo có cả nghìn năm nay, nhưng nghiên cứu tôn giáo như là hoạt động của Tôn giáo học, dù là một chuyên ngành hoặc một lĩnh vực học thuật hay là cả hai, thì ra đời muộn hơn. Không những có tuổi đời “non trẻ” hơn so với nhiều ngành và lĩnh vực khác, trong giai đoạn hiện nay, Tôn giáo học còn đang phải đối diện với rất nhiều thách thức. Các thách thức này đến từ bối cảnh khủng hoảng của khoa học xã hội và nhân văn nói chung trên thế giới, và từ chính trong hoạt động của Tôn giáo học. Tất nhiên, cả hai thách thức này đôi khi chỉ có sự phân biệt tương đối và đều có sự tương tác lẫn nhau, ảnh hưởng tới tình hình Tôn giáo học đương đại trên thế giới.

### **2.1. Thách thức từ bối cảnh của khoa học xã hội và nhân văn**

Thách thức bên ngoài có ảnh hưởng mạnh đến Tôn giáo học cũng chính là các thách thức nói chung của khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là nhân văn và những định hướng về đầu tư ngân sách, đầu tư ngành học và định hướng nghề nghiệp. Công chúng hiện nay đòi hỏi các sinh viên và cũng là con em của họ khi theo học các chương trình học tập ở giáo dục bậc cao phải gắn với định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Trong bối cảnh mà các ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật và kinh tế có khả năng trang bị các kỹ năng và kiến thức đáp ứng trực tiếp cho các yêu cầu về lực lượng lao động trong các lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật thì khoa học xã hội, nhất là khoa học nhân văn lại có vẻ yếu thế hơn. Yêu cầu của công chúng như vậy đã trở thành một trong những nguyên nhân dẫn tới những thay đổi chính sách đầu tư của các nhà nước và lãnh đạo của các trường đại học, cao đẳng đối với giáo dục bậc cao, nhất là ở các trường công lập. Ví dụ tại Mỹ, trong vòng khoảng 10 năm

(2008-2017), nhà nước đã cắt giảm đầu tư cho giáo dục bậc cao công lập tới chín tỷ USD và tính trung bình 50 bang của nước Mỹ đã cắt giảm tới 16% chi tiêu công cho các trường cao đẳng và đại học [Kathryn McClymond, 2020: 1-2]. Các ngành khoa học xã hội và nhân văn lại thường nằm trong danh sách bị cắt giảm ngân sách đầu tư. Điều này dẫn đến một hệ quả là sinh viên và gia đình của sinh viên phải trả chi phí cao hơn cho việc theo học ở giáo dục bậc cao. Bản thân các trường đại học cũng đang phải chịu áp lực để làm sao sinh viên tốt nghiệp là có việc làm ngay nhằm hỗ trợ nhu cầu tài chính của gia đình và được trang bị các kỹ năng đạt theo yêu cầu của lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu của người tuyển dụng [Ursula King, 2002: 366].

Tình trạng đó, thúc đẩy sinh viên lựa chọn các ngành nghề để khi tốt nghiệp là có nhiều triển vọng về việc làm, không chỉ giúp họ sinh sống được mà còn để hỗ trợ gia đình trả các khoản vay đầu tư cho giáo dục bậc cao. Bối cảnh như vậy, đã dẫn đến sự sụt giảm đáng kể số lượng sinh viên lựa chọn theo học các bộ môn nhân văn như Tôn giáo học ở nhiều trường cao đẳng, đại học trên thế giới. Theo thống kê của Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Khoa học Mỹ (the American Academy of Arts and Sciences), từ năm 2011 đến năm 2014, số lượng sinh viên nhận bằng cử nhân về Tôn giáo học giảm 6,8%, và đó là sự sụt giảm mạnh nhất trong vòng 28 năm trong đào tạo về ngành Tôn giáo học [xem Jodi Magness & Margaret M. Mitchell, 2022: 170]. Số lượng trung bình các sinh viên năm thứ nhất và năm thứ tư theo học Tôn giáo học những năm học 2011-2012 tới 2016-2017 sụt giảm đáng kể. Từ năm 2012-2017, số trường cao đẳng và đại học cung cấp bằng cấp về Tôn giáo học cũng giảm 3,2% [Jodi Magness & Margaret M. Mitchell, 2022: 170]. Thậm chí, Tôn giáo học còn dễ tổn thương hơn các lĩnh vực khác trong các bộ môn nhân văn do ảnh hưởng của đại suy thoái năm 2008 (2008 Great Recession) và đại dịch Covid-19. Số lượng bằng cử nhân Tôn giáo học được cấp trong các năm 2013-2017 ở Mỹ giảm tới 31% [Jodi Magness & Margaret M. Mitchell, 2022: 171]. Những khó khăn từ tài chính đã dẫn tới việc thu hẹp các khoa và các chương trình nghiên cứu tôn giáo. Trường University of Vermont đã ngưng đào tạo về Tôn giáo học. Còn Howard University đã sáp

nhập khoa Tôn giáo học vào các khoa khác [Jodi Magness & Margaret M. Mitchell, 2022: 171].

Năm 2017, Đại học UC Berkeley ở Mỹ cũng đã dừng chương trình đào tạo Tôn giáo học. Lý do là vì thiếu trầm trọng số lượng sinh viên đăng ký học chương trình này. Nguyên nhân sâu xa đằng sau tình trạng đó là sinh viên tới trường học muốn có một con đường sự nghiệp rõ ràng. Nhưng tại vùng Bay Area ở California, Mỹ, các công việc thường liên quan tới ngành công nghiệp công nghệ chứ không phải là Tôn giáo học. Bên cạnh đó, còn có nguyên nhân từ thiếu hụt nguồn nhân lực là các giáo sư chuyên giảng dạy về chương trình Tôn giáo học ở UC Berkeley [Jessica Jiménez, 2017]. Năm 2021, trường Đại học công lập Youngstown State University ở Mỹ cũng dừng chương trình giảng dạy Tôn giáo học. Ngoài nguyên nhân do cắt giảm ngân sách thì còn do nguyên nhân khác nữa là sụt giảm sự quan tâm của nhiều người đối với Tôn giáo học [Cara Kalouris, 2021]. Năm 2022, tại Đại học Duke ở Mỹ, chỉ có đúng một sinh viên đăng ký học môn Tôn giáo học. Nhiều sinh viên của Đại học Duke cho rằng, việc lựa chọn môn học dựa nhiều hơn vào định hướng và triển vọng nghề nghiệp của họ, các môn học về tôn giáo hay kinh điển thường chỉ dành cho “con nhà giàu có sự đảm bảo sẵn về việc làm” (a rich kid that is guaranteed a job) [Zoe Spicer, 2023].

Không chỉ tại Mỹ, mà nhiều nước khác, cơ cấu ngành và lĩnh vực học mà sinh viên lựa chọn cũng có sự chuyển dịch mạnh sang khối ngành công nghệ, kỹ thuật. Ví dụ, vào năm 2017, tại Anh và xứ Wales, số lượng sinh viên đầu vào của Tôn giáo học ở trình độ A đạt 18.422 người, giảm mạnh lên tới 22,8%. Việc sụt giảm này cũng được cho là ví dụ điển hình của việc suy giảm lượng sinh viên đầu vào của các ngành khoa học xã hội và nhân văn (ngành ngôn ngữ Anh giảm 14,8% trên toàn bộ Vương quốc Anh, Địa lý giảm 11,3%, Lịch sử giảm 2,7%), nhưng lại tăng ở các ngành khoa học, công nghệ, kỹ sư và khoa học cơ bản (Hóa học tăng 3,4%, Vật lý tăng 3,4%, Sinh học tăng 3,1% và Toán tăng 2,5%) [xem <https://www.natre.org.uk/news/latest-news/religious-studies-a-level-entries-decline-by-22-8-as-the-subject-is-squeezed-out-of-the-curriculum/>]. Viện Hàn lâm Vương quốc Anh

lo ngại, sự sụt giảm của lượng học sinh, sinh viên đăng ký học Tôn giáo học và Thần học trong những năm gần đây có thể dẫn tới sự biến mất của đào tạo Tôn giáo học tại các trường đại học ở Anh [xem <https://www.thebritishacademy.ac.uk/news/theology-and-religious-studies-risk-disappearing-our-universities-says-british-academy/>].

## **2.2. Thách thức từ chính trong nội tại của Tôn giáo học**

Đối tượng của Tôn giáo học chính là tôn giáo, một hiện tượng rất phổ biến trên thế giới thế nhưng để nắm bắt được đối tượng này lại không hề đơn giản, nhất là khi tôn giáo thường kết hợp với hầu hết các lĩnh vực khác của đời sống. Chính vì thế, việc tìm ra các kết nối giữa tôn giáo với các lĩnh vực xã hội, chính trị, kinh tế, nghệ thuật và nhiều lĩnh vực khác cũng chính là trở ngại đáng kể cho hoạt động nghiên cứu liên ngành như Tôn giáo học [Stephen C. Berkwitz & J. Dané Stoneburner Wallace, 2019: 3]. Đồng thời, người làm Tôn giáo học hiện nay cũng phải liên tục cập nhật các ý tưởng và trào lưu tư tưởng mới cả trong học thuật và đời sống tôn giáo. Nếu các nghiên cứu chỉ tập trung vào các văn bản cổ và các ý niệm xa xưa thì rất khó nhận ra được sức mạnh và sự liên đới do tôn giáo tạo ra trong thế giới hiện đại [Stephen C. Berkwitz & J. Dané Stoneburner Wallace, 2019: 1]. Sự gia tăng của Chủ nghĩa thế tục, phai nhạt niềm tin tôn giáo, cũng khiến một bộ phận không nhỏ trong học sinh, sinh viên thờ ơ với việc tìm hiểu nghiên cứu về tôn giáo. Đồng thời, sự sụt giảm sinh viên theo học Tôn giáo học còn dẫn tới một thách thức cho Tôn giáo học chính là thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn cao về lĩnh vực này.

Không những có đối tượng khó nắm bắt, thiếu nguồn nhân lực và chịu ảnh hưởng bởi các trào lưu thế tục, những nhà Tôn giáo học trên thế giới hiện nay còn phải cạnh tranh với rất nhiều ngành và lĩnh vực khác cùng quan tâm nghiên cứu về tôn giáo. Có thể nói, cùng với Thần học, các chuyên ngành như Nhân học và Xã hội học đã có lịch sử lâu đời nghiên cứu về tôn giáo và còn đang nhen nhóm lại mối quan tâm về các vấn đề tôn giáo. Các mối quan tâm nghiên cứu đó có thể “đe dọa” tới Tôn giáo học [Ingvild Saelid Gilhus, 2020: 61]. Có rất nhiều sách, tạp chí nghiên cứu về tôn giáo được xuất bản, một số khoa đã thành lập các chương trình đào tạo, tuyển sinh và ngày càng có

nhiều người đang tham gia các hội thảo quốc tế mỗi năm về tôn giáo. Sự tham gia của rất nhiều chuyên ngành và lĩnh vực khác nhau trong các hoạt động học thuật về tôn giáo đã dẫn tới một xu hướng cạnh tranh không thể đảo ngược được và điều đó có thể tạo ra “*một cuộc khủng hoảng về bản sắc*” trong nghiên cứu của Tôn giáo học [Ingvild Saeldid Gilhus, 2020: 61]. Nói cách khác, là một lĩnh vực liên ngành, Tôn giáo học được hưởng lợi từ các nghiên cứu khác, nhưng như thế cũng tạo ra những nguy cơ làm phai mờ đi bản sắc của Tôn giáo học. Giáo sư Janet Gyatso chuyên về Phật học tại Khoa thần học Harvard nhận xét rằng: “*các chuyên ngành khác có ảnh hưởng rất đáng kể lên Tôn giáo học. Chúng ta có số lượng khổng lồ (TG: các nghiên cứu về tôn giáo từ các chuyên ngành khác), chúng ta có thể học từ các học giả-từ Văn học cho chúng ta cách đọc văn bản tôn giáo, các nhà Nhân học nói cho chúng ta biết về xã hội loài người. Tất cả đều tốt*”, nhưng tình hình đó có thể làm “*đánh mất chất đặc trưng của Tôn giáo học*” [Edward Mason, 2015]. Thêm vào đó, mặc dù Tôn giáo học tập hợp các nghiên cứu của rất nhiều chuyên ngành khác nhau và mang lại hàng loạt khối kiến thức và chuyên gia nghiên cứu về tôn giáo, nhưng đó cũng là một thách thức. Vì là một cộng đồng như thế, những người làm Tôn giáo học rất khó có được “*các ranh giới hay đường hướng rõ ràng để hướng dẫn công việc của mình*” [Kathryn McClymond, 2020: 3].

### **3. Những triển vọng của Tôn giáo học**

Mặc dù đã và đang gặp phải các thách thức đến từ cả bên ngoài và bên trong nhưng Tôn giáo học vẫn được nhiều học giả đương đại trên thế giới tin tưởng có những triển vọng tươi sáng. Những triển vọng này xuất phát từ chính những đòi hỏi về việc lý giải các vấn đề tôn giáo trên thế giới và từ chính những lợi thế mà Tôn giáo học đang có.

#### **3.1. Tôn giáo học có chỗ đứng cần thiết đối với nhân loại**

Những người ủng hộ Chủ nghĩa thế tục (Secularism) tin rằng tôn giáo sẽ dần được thay thế bằng những trào lưu khoa học và thế tục. Nhưng thực tế hiện nay cho thấy, tình hình tôn giáo không diễn ra như vậy. Phần lớn người sinh sống trên trái đất vẫn tin, theo nhiều tôn giáo khác nhau. Hơn nữa, các hiện tượng tôn giáo đã và đang có liên quan mật thiết đến nhiều khía cạnh của đời sống con người. Theo báo cáo

kết quả khảo sát của The Forum on Religion & Public life thuộc Pew Research Center vào năm 2012 tại 230 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới thì vào năm 2010 thế giới có khoảng 5,8 triệu người theo tôn giáo, chiếm 84% trong tổng số dân số 6,9 tỷ người của toàn cầu [The Pew Forum on Religion & Public Life-Pew Research Center, 2012: 9]. Trong đó, có khoảng 2,2 tỷ người là Kitô hữu, 1,6 tỷ người là tín đồ Islam giáo, 1 tỷ người là tín đồ Hindu giáo (Ấn Độ giáo), gần 500 triệu người là tín đồ Phật giáo và 14 triệu người là tín đồ Do Thái giáo. Còn lại khoảng 400 triệu người thực hành các tôn giáo dân gian [The Pew Forum on Religion & Public Life- Pew Research Center, 2012: 9]. Nếu nghiên cứu khoa học nói chung là để phục vụ đời sống con người, thì Tôn giáo học cũng không nằm ngoài điều này. Nói đơn giản, con người cần gì thì các nhà khoa học nghiên cứu cái đó. Như vậy, khi mà tôn giáo còn là hiện tượng phổ biến trên thế giới, gắn với đời sống con người, là nhu cầu của con người thì không thể không nghiên cứu về hiện tượng này được.

Không những thế, tình hình tôn giáo trên thế giới còn phát sinh rất nhiều vấn đề mới cần có sự tham gia phân tích và lý giải của giới Tôn giáo học. Trong đó, sự xuất hiện của nhiều hiện tượng cực đoan mang màu sắc tôn giáo, các xung đột vũ trang có yếu tố tôn giáo được ghi nhận ở hầu khắp các xã hội thuộc các châu lục khác nhau. Trong hàng chục năm qua, kể từ sau năm 1975, các xung đột mang màu sắc tôn giáo trên toàn cầu không hề suy giảm. Trong đó, tại khu vực châu Phi, xung đột các vấn đề mang màu sắc tôn giáo chiếm 41% và khu vực châu Á thì xung đột dạng này chiếm tới 38% trong tổng số xung đột các vấn đề mang màu sắc tôn giáo trên toàn cầu [Isak Svensson và Desirée Nilsson, 2018: 1137]. Các hiện tượng tôn giáo cực đoan, xung đột cực đoan, tấn công khủng bố có màu sắc tôn giáo khiến cộng đồng dành sự quan tâm lớn đến nghiên cứu tôn giáo. Ví dụ, sau vụ tấn công ngày 11/9/2001, công chúng ở Mỹ từng rất quan tâm tới Tôn giáo học. Sau vụ tấn công này, số lượng các môn học về tôn giáo tăng 22% trong vòng 10 năm (ước tính có 47000 sinh viên). Trong đó, số lượng đơn vị giáo dục cung cấp môn học Tôn giáo học ở các cơ sở công lập tăng nhanh tới 40% [Jodi Magness & Margaret M. Mitchell, 2022: 169].

Nhận định về vai trò của Tôn giáo học trong thế giới đương đại, Viện Hàn lâm Vương Quốc Anh khẳng định: “*Mặc dù có sự gia tăng của Chủ nghĩa thế tục ở phương Tây, nhưng tôn giáo vẫn tiếp tục đóng vai trò thống trị trên vũ đài thế giới. Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, chủ nghĩa dân tộc mang màu sắc tôn giáo, và sự xung đột giữa các cộng đồng tôn giáo chỉ là một số trong rất nhiều thách thức mà chúng ta đối mặt ngày nay. Tôn giáo đang có những liên quan nhiều hơn bao giờ hết, chứ không phải ít liên quan, và việc nghiên cứu tôn giáo cần phản ánh được điều này*” [The British Academy, 2019]. Đồng thời, một khi thiếu vắng Tôn giáo học trong môi trường giáo dục còn có thể dẫn tới một tình trạng là các sinh viên đọc sách và các bài luận về tôn giáo để tự đào tạo chính mình và như thế có thể dẫn tới việc giải thích sai về tôn giáo [Cara Kalouris, 2021].

### ***3.2. Những lợi thế nội tại của Tôn giáo học***

Xét trong môi trường giáo dục bậc cao, Tôn giáo học đem lại những lợi thế cạnh tranh cho người học. Tất nhiên, sinh viên ra trường có việc làm ngay là điều mong muốn từ cả phía công chúng, người học và các nhà giáo dục, đào tạo cũng như các nhà đầu tư và hoạch định chính sách. Nhưng điều cần phải nói thêm là có sự khác biệt giữa đào tạo tập trung vào mục đích có việc làm ngay lập tức với những triển vọng tương lai hạn chế và việc cung cấp nguồn nhân lực cho sự phát triển sự nghiệp thực thụ. Trong một nền giáo dục khai phóng thì có lẽ không nên nhìn nhận Tôn giáo học giống như “đào tạo nghề” [Kathryn McClymond, 2020: 4]. Theo quan điểm của Kathryn McClymond, Tôn giáo học có thể đem tới sự chuẩn bị cho tương lai lâu dài nhờ những lợi thế trong đào tạo của mình. Cụ thể là: “*Trung tâm điểm của nghiên cứu về tôn giáo là sự kết nối với những giải thích kiến tạo về bản chất người, sự tương tác xã hội, các hiện tượng tự nhiên, và sự chuyển biến của thời gian. Ai là những sinh viên được chuẩn bị tốt hơn cho việc chạm trán, đương đầu, khám phá, giải thích, và lặn xả vào những cái chưa biết nếu không phải là các sinh viên tôn giáo học, những sinh viên mà đã được đào tạo để có tư duy một cách nghiêm túc về chính chỗ đứng của mình trong thế giới này? Điểm nhấn của các sinh viên tôn giáo học được*

*giáo dục tốt là năng lực hành động dựa trên hiểu biết rộng. Nghiên cứu về tôn giáo còn là để mở rộng trí tưởng tượng, một cấu phần quan trọng của năng lực hành động và lãnh đạo” [Kathryn McClymond, 2020: 4].*

Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Tôn giáo học của nhiều trường đại học trên thế giới cho thấy, sinh viên học Tôn giáo học có thể có những lựa chọn nghề nghiệp rộng mở vì tôn giáo liên quan đến rất nhiều lĩnh vực của đời sống. Sinh viên Tôn giáo học khi tốt nghiệp ra trường có thể làm việc trong các lĩnh vực như luật pháp, giáo dục, chính phủ, y tế, công tác xã hội, nhà tư vấn, báo chí, và kể cả có thể phục vụ cho những ai muốn trở thành các nhà hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp.

Lợi thế tiếp theo đến từ cách tiếp cận liên ngành và đối tượng có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống của Tôn giáo học. Chính việc kết nối với các lĩnh vực học thuật khác và tập trung vào tìm hiểu xem tôn giáo có kết nối và đan chéo với các lĩnh vực khác của đời sống sẽ làm cho Tôn giáo học ngày càng trở nên hấp dẫn hơn trong tương lai. Tôn giáo là các hiện tượng cụ thể, các biểu tượng, thực hành và tư tưởng của tôn giáo thâm nhập vào rất nhiều khu vực khác nhau của đời sống con người. Chính vì thế, Tôn giáo học không chỉ là nghiên cứu về tôn giáo như một khu vực độc lập mà còn cung cấp cho chúng ta *“cách nhìn nhận tốt hơn về việc con người đã sáng tạo và miêu tả như thế nào về các thực tại của mình, cũng như cung cấp cho chúng ta nhiều công cụ hơn để giải thích về các quá trình này”* [Stephen C. Berkwitz & J. Dané Stoneburner Wallace, 2019: 4].

### **Kết luận**

Cho tới nay, cách hiểu thế nào là Tôn giáo học vẫn chưa có sự thống nhất trong giới học thuật trên thế giới. Có ít nhất ba cách hiểu về Tôn giáo học: *Thứ nhất*, Tôn giáo học như là một chuyên ngành khoa học về tôn giáo; *Thứ hai*, Tôn giáo học là một lĩnh vực học thuật về tôn giáo; *Thứ ba*, Tôn giáo học vừa là một lĩnh vực học thuật vừa là một chuyên ngành. Dù có các cách hiểu khác nhau, nhưng điểm chung trong quan điểm của các học giả đương đại trên thế giới là đều khẳng định Tôn giáo học có sự khác biệt với thần học và nhấn mạnh tới tính chất liên ngành cao của Tôn giáo học.

Bên cạnh việc nhìn nhận những khó khăn đối với tình hình của Tôn giáo học đương đại bắt nguồn từ “sự khủng hoảng” của khoa học xã hội và nhân văn, nhất là ngành nhân văn, thì phần lớn các học giả cũng chỉ ra những thách thức đến từ chính nội tại của Tôn giáo học. Điều đó bắt nguồn từ chính đối tượng của Tôn giáo học là tôn giáo có những mối liên hệ, tương tác với hầu hết các lĩnh vực của đời sống con người. Đồng thời, tôn giáo đã và đang nhận được sự quan tâm của nhiều chuyên ngành và lĩnh vực học thuật khác nhau. Điều đó đã tạo ra sự cạnh tranh mạnh với Tôn giáo học và có thể làm phai mờ bản sắc của Tôn giáo học.

Tuy có những thách thức lớn, nhưng nhiều học giả tin tưởng rằng, Tôn giáo học đương đại trên thế giới vẫn có những triển vọng rộng mở. Tôn giáo học vẫn sẽ có chỗ đứng thiết yếu trong học thuật và rộng lớn hơn là trong đời sống của xã hội loài người, khi mà phần lớn con người sinh sống trên trái đất đều tin, theo các hiện tượng tôn giáo nào đó. Đồng thời, tình hình tôn giáo trên thế giới đã và đang phát sinh những vấn đề mới, phức tạp đòi hỏi sự tham gia lý giải của Tôn giáo học. Không những vậy, bản thân Tôn giáo học cũng đem lại những lợi thế cho sinh viên về phát triển trí tưởng tượng và khả năng hiểu biết rộng, những thứ này cần thiết cho sự phát triển sự nghiệp của mỗi người. Hơn hết, Tôn giáo học còn đem lại cho chúng ta cách tiếp cận và công cụ hữu ích cho việc nhìn nhận và lý giải về đời sống rộng lớn của con người. Tôn giáo học vì thế là hoạt động học thuật thiết yếu của xã hội con người và vì con người.

---

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Benson Saler (2004), Towards a realistic and relevant “Science of Religion”, *Method & Theory in the Study of Religion*, Vol. 16, No.3.
2. Cara Kalouris (2021), *Receiving a divine impact: Religious studies program reaches pearly gates*, <https://thejambar.com/receiving-a-divine-impact-religious-studies-program-reaches-pearly-gates/>, truy cập ngày 20/8/2023.
3. Carl Olson (2011), *Religious Studies The Key Concepts*, Routledge Taylor & Francis Group, London and New York.
4. Donald Wiebe (2009), Religious Studies: Toward reestablishing the field, *Religion*, 39.
5. Donald Wiebe (2005), *Religious Studies* trong R. Hinnells (2005), *The Routledge Companion to the Study of Religion*, Routledge, New York.

6. Trần Anh Đào (2009), Friedrich Max Muller và đóng góp của ông trong Dẫn luận Tôn giáo học, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 7&8.
7. Lê Tâm Đắc (2009), Tôn giáo học phải chăng là một chuyên ngành của Tiết học? (qua thực tế đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay), *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
8. Edward Mason (2015), *The Future of the Study of Religion*, <https://gsas.harvard.edu/news/future-study-religion>, truy cập ngày 25/8/2023.
9. Ingvild Saelid Gilhus (2020), Alive and on the move: the future study of religion, *Religion*, Vol 50, No. 1
10. Isak Svensson và Desirée Nilsson (2018), Disputes over the Divine: Introducing the Religion and Armed Conflict (RELAC) Data, 1975 to 2015, *Journal of Conflict Resolution*, 62 (5).
11. Jan G. Platvoet (1998), Close Harmonies: The Science of Religion in Dutch Duplex Ordo Theology, 1860-1960, *NUMEN*, Vol. 45, Fasc. 2.
12. Jessica Jiménez (2017), *UC Berkeley discontinues religious studies program*, <https://dailycal.org/2017/03/05/uc-berkeley-discontinues-religious-studies-program>, truy cập ngày 28/8/2023.
13. Jodi Magness & Margaret M. Mitchell (2022), Religious Studies & the Imagined Boundaries of the Humanities, *the Journal of the American Academy of Arts & Sciences*, 151 (3) Summer 2022.
14. Kathryn McClymond (2020), Future of religious studies, *Religion*, Volume 50, Issue 1.
15. Kenneth E. Vail III, Clay Routledge (2020), *The Science of Religion, Spirituality, and Existentialism*, Elsevier, London.
16. Lourens van Den Bosch (2017), *Friedrich Max Müller and the Science of Religion*. In trong Richard King (Editted), *Religion, Theory, Critique Classic and Contemporary Approaches and Methodologies*, Columbia University Press, New York.
17. F. Max Müller, K.M. (1899), *Introduction to the Science of Religion Four Lectures Delivered at the Royal Institutions in February and May, 1870*, Edition 2, Longmans, Green, and Co, London.
18. Michael Pye (1999), *Methodological Integration in the Study of Religions*. In trong Tore Ahlback (Editted), *Approaching Religion, Part I*, The Nonner Institute for Research in Religious and Cultural History Abo, Phần Lan.
19. Religious studies A level entries decline by 22,8% as the subject is squeezed out of the curriculum <https://www.natre.org.uk/news/latest-news/religious-studies-a-level-entries-decline-by-22-8-as-the-subject-is-squeezed-out-of-the-curriculum/>, truy cập ngày 1/9/2023.
20. Stephen C. Berkwitz & J. Dané Stoneburner Wallace (2019), Bridging the gaps: a better future for the study of religion, *Religion*, Volume 50, Number 1, published online.
21. The British Academy (2019), *Theology and Religious Studies risk disappearing from our universities, says, the British Academy*, <https://www.thebritishacademy.ac.uk/news/theology-and-religious-studies-risk-disappearing-our-universities-says-british-academy/>, truy cập ngày 25/8/2023.

22. The Pew Forum on Religion & Public Life – Pew Research Center (2012), *The Global Religious Landscape A report on the Size and Distribution of the World's Major Religious Groups as of 2010*, bản PDF: 9. Nguồn: <https://www.bc.edu/content/dam/files/centers/jesinst/pdf/Grim-globalReligion-full.pdf>, truy cập ngày 20/8/2023.
23. Thomas L. Benson (1987), *Religious studies as an Academic Discipline*. In trong Mircea Eliade (Editor in Chief), *The Encyclopedia of religion*, Vol 14, New York: Macmillan Press.
24. Chu Văn Tuấn và Hoàng Văn Chung (Chủ biên) (2021), *Một số vấn đề về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
25. Ulrich Berner (2011), Contextualization of Religious Studies and of religious phenomena, *Religion*, 41
26. Ursula King (2002), *Is there a Future for Religious Studies as We Know it? Some Postmodern, Feminist and Spiritual Challenges*, *Journal of the American Academy of Religion*, June 2002, Vol. 70, No. 2.
27. Nguyễn Hữu Vui và Trương Hải Cường (2003), *Tập bài giảng Tôn giáo học Chương trình đại cương (Dành cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Zoe Spicer (2023), 'Concerned about enrollments': As humanities lose numbers to STEM nationwide, Duke grapples with similar trends, <https://www.dukechronicle.com/article/2023/03/duke-university-majors-humanities-stem-enrollment-majors-data-decline-trinity-college-pratt-engineering>, truy cập ngày 3/9/2023.

**Abstract:****CONTEMPORARY RELIGIOUS STUDIES IN THE WORLD:  
CONCEPT, CHALLENGE AND PROSPECT****Duong Van Bien***Institute for Religious Studies, VASS*

The article using methods such as the document analysis and the document synthesis aims at clarifying some understandings on what Religious Studies is. Then, it focuses on analyzing some significant challenges faced by contemporary Religious Studies. These challenges have been derived from the external context of crisis of social sciences and humanities as well as the internal obstacles such as issues of capturing object research and identifying identity research of Religious Studies. Finally, this article points out some prospects of Religious studies.

**Keywords:** Religious Studies; Concept; Challenge; Prospect; Discipline.